

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/06/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RP1+P4	7:25	9+12+1	0+0+0		1+1+20	0+0+0	*CHUYỂN 1 RP3-P4 *CHUYỂN 6 RP3-RP1
2		P4+P6+TD2	7:25	21+0+1	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
3		RP3	7:25	22	0		22	0	
4		RP2+GTCL+PPD	9:25	14+0+8	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
5		PPD+TD3+P4	9:25	16+6+0	0+0+0		4+8+9	0+0+0	
6		BK6+RP2+TD5	9:25	7+11+4	0+0+0		0+0+17	0+0+0	
7		RP3+CTK3+CLI	11:25	16+5+0	0+0+0		6+5+0	0+0+0	CHUYỂN 1 CTK3-CLI

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2019	TO: RP3 - RP1 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	86	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	87	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TIẾN PHI	RP3	82	1	4		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	83	1	2		58	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN SEN	RP3	85	1	5		75	KHI	Vietnamese
6	BUI VĂN HUNG	RP3	84	1	5		68	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HOA	RP3	89	1	8		80	KHI	Vietnamese
8	PHẠM TRUNG DUNG	RP3	88	1	8		81	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KIẾT	RP1	189	1	10	17	70	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC ĐIỀU	RP1	39	1	11	20	75	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN PHÚC NGUYỄN	RP1	90-92	3	12		84	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	87-88	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÂN	RP1	35	1	18		54	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÀ	RP1	38	1	18		56	XAYLAP	Vietnamese
15	KIEU HAI DƯƠNG	RP1	31	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VĂN HAO	RP1	96	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BĂNG	RP1	97-98	2	9		72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN BA THÀNH	RP1	36-37	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG QUANG HUNG	RP1	93-94	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC ĐĂNG	RP1	49	1	15	15	69	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC QUY	RP1	86,300	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN HỒNG TÂM	P4	74-76	3	16	40	62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	8	43	593	0	14		CHUYEN 6 PAX TU RP3 SANG RP1
2	RP1	13	20	180	886	52	1		CHUYEN 1 PAX TU RP3 SANG P4
3	P4	1	3	16	62	40	20		
TOTAL		22	31	239	1.541	92	22		
WEIGHT KG				239	1.541	92			

GRAND TOAL: 1.872 KGS.

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2019	TO: P4 - P6 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOLECHNIKH A.IO	P4	86	1	5		85	KHI	Russian
2	KUSHENKO	P4	79	1	6		100	KHI	Russian
3	IMAIEV	P4	87	1	9		85	KHI	Russian
4	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	75	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	PHẠM TRẠI	P4	76	1	4		74	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG TUÂN	P4	73	1	5		68	KHI	Vietnamese
7	TẠ XUÂN HIẾU	P4	71	1	4		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH KHOA	P4	88	1	5		74	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	80	1	8		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM MỘNG THANH	P4	81	1	6		67	KHI	Vietnamese
11	BUI HUU LAN	P4	77	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	74	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4					70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4	72	1	3	15	76	KHI	Vietnamese
15	LÊ QUANG VINH	P4	92	1	9		80	KHI	Vietnamese
16	MATTIA CARINI	P4	91	1	9	70	80	KHI	Italian
17	PHẠM LU ANH TUÂN	P4	84	1	6		76	KHI	Vietnamese
18	ĐÔNG VĂN TIẾP	P4	89-90	2	15		50	KHI	Vietnamese
19	LÊ ANH TU	P4	82-83	2	10		63	KHI	Vietnamese
20	THAI HỒNG QUÂN	P4	85	1	10		50	KHI	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	78	1	9		70	KHI	Vietnamese
22	VU VAN TUONG	TD2	62	1	10		74	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	21	22	138	1.518	85	18		
2	P6	0	0	0	0	0	1		
3	TD2	1	1	10	74	0	3		
TOTAL		22	23	148	1.592	85	22		
WEIGHT KG				148	1.592	85			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2019	TO: RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3	09	1	5		79	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	RP3	14	1	3		68	KHI	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LẬP	RP3					59	KHI	Vietnamese
4	PHẠM BÌNH NAM	RP3	15	1	4		61	KHI	Vietnamese
5	PHẠM DUY DŨNG	RP3					76	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3					79	KHI	Vietnamese
7	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	17	1	5		60	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH XUÂN HUYỀN	RP3	05-06	2	10		68	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ HÙNG	RP3	13	1	5		71	KHI	Vietnamese
10	VÕ VĂN LỊCH	RP3	11-12	2	12	30	63	KHI	Vietnamese
11	VŨ DUY PHƯƠNG	RP3	18	1	7		61	KHI	Vietnamese
12	HÀ QUANG TRUNG	RP3	02	1	10	90	51	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TUÂN	RP3	21-22	2	11	20	82	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN LÊ HOANG LONG	RP3	19	1	8		72	KHI	Vietnamese
15	ĐỖ QUỐC VŨ	RP3	10	1	6		60	KHI	Vietnamese
16	VŨ ANH TUÂN	RP3	20	1	10	44	66	CO DIEN	Vietnamese
17	LÊ HOANG ANH	RP3	01	1	7		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HIỀN	RP3	08	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
19	NG. GIA THIÊN	RP3	16	1	8	15	68	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ BA HÒA	RP3	04	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU LONG	RP3	03	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ DUY ĐỨC	RP3	07	1	12		53	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	22	151	1.497	199	22		
TOTAL		22	22	151	1.497	199	22		
WEIGHT KG				151	1.497	199			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2019	TO: RP2 - GTC1 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAM CHUNG	RP2	46-47	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TẠ VĂN VIỆT	RP2	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE HAI	RP2	48	1	15		85	XAYLAP	Vietnamese
4	PHÙNG QUANG ĐẠI	RP2	44	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC THĂNG	RP2	52-53	2	17	40	65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUANG SANG	RP2	55	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN NIN	RP2	60-61	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	LUU MẠNH TIEN	RP2	51	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TẠ TRUNG HIẾU	RP2	64	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC MINH	RP2	57	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG SỸ	RP2	54	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	RP2	62-63	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
13	TRỊNH ĐẮC HÙNG	RP2	56	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN QUANG TRUNG	RP2	58-59	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG CUONG	RP2	49-50	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VAN TRI	RP2	45	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	02	1	5		62	KHI	Vietnamese
18	VŨ THANH BÌNH	PPD	05	1	5		80	KHI	Vietnamese
19	PHẠM HAI QUANG	PPD	04	1	5	20	65	KHI	Vietnamese
20	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	06	1	5		85	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	03	1	10		82	KHI	Vietnamese
22	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	01	1	5		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	22	210	1.098	40	2		
2	GTC1	0	0	0	0	0	1		
3	PPD	6	6	35	434	20	19		
TOTAL		22	28	245	1.532	60	22		
WEIGHT KG				245	1.532	60			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2019	TO: PPD - TD3 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	44	1	3		72	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HIỀN	PPD	46	1	3		62	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH	PPD	43	1	3		64	KHI	Vietnamese
4	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	59-60	2	11		64	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TÀI	PPD	45	1	5		72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	42	1	4		78	KHI	Vietnamese
7	PHẠM MINH TOÀN	PPD	56	1	5	24	57	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	51	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC SƠN	PPD	55	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU VĂN HAY	PPD	48	1	10		82	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HAI SƠN	PPD	54	1	10	39	73	XAYLAP	Vietnamese
12	TÔNG VĂN ĐỨC	PPD	47	1	9	35	80	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	PPD	52-53	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC TỈNH	PPD	50	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI CÔNG THANH	PPD	49	1	12		79	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG MINH HIEU	PPD	41	1	3		68	KHI	Vietnamese
17	HA VĂN TRƯỜNG	TD3	39	1	7		53	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH LONG	TD3	40	1	7		66	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN THAI THANH	TD3	44-45	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO XUÂN PHƯƠNG	TD3	42-43	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN VIỆT	TD3	46	1	13	20	68	XAYLAP	Vietnamese
22	VU MINH HÙNG	TD3	41	1	8	19	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	18	117	1.131	98	4		
2	TD3	6	8	68	371	39	8		
3	P4	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	26	185	1.502	137	19		
WEIGHT KG				185	1.502	137			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2019	TO: BK6 - RP2 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHài - TĐông - TDUNG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU NGHỊ	BK6	49	1	6		55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN NHAN	BK6	71	1	8		82	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG ANH TU	BK6	72-73	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
4	DUƠNG TRUNG DUNG	BK6	51,80	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG DUY TAI	BK6	76-77	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ HOANG SƠN	BK6	78-79	2	13		74	XAYLAP	Vietnamese
7	TÔ QUỐC TUÂN	BK6	74-75	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
8	VƯƠNG HUY HOAN	RP2	12-13	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC VÂN	RP2	05-06	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUÂN	RP2	10	1	18		57	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG QUYÊN	RP2	07-08	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN TUÂN	RP2	02	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VŨ THUẬT	RP2	03-04	2	11		61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐẠI HẢI	RP2	14	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
15	THỊNH TUÂN HẢI	RP2	11	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ NGỌC KHANH	RP2	15	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
17	VO HOANG TIEN	RP2	01	1	10		80	XAY LAP	Vietnamese
18	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	04	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG	TD5	06	1	12		75	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIẾP	TD5	05	1	10	10	77	DVL	Vietnamese
21	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD5	03	1	16		76	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	7	12	84	464	0	0		
2	RP2	10	14	136	676	0	0		
3	TD5	4	4	45	303	10	18		
TOTAL		21	30	265	1.443	10	18		
WEIGHT KG				265	1.443	10			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2019	TO: RP3 - CTK3 - CLI	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: VThắng - Hôi - DTùng	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HAI QUAN	RP3	93	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
2	KIM NHAT THANH	RP3	04	1	11	3	67	CODIEN	Vietnamese
3	ARTEAGA DOS SANTOS HECTOR SIMO	RP3	99	1	10	28	79	KHI	Bolivian
4	LAI VAN MINH	RP3	96	1	10		62	KHI	Vietnamese
5	TA PHI KHANH	RP3					80	KHI	Vietnamese
6	TRUONG NGOC DUY	RP3	05-06	2	14	36	77	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN DINH DUC	RP3	07	1	6		55	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TU	RP3	03	1	9	53	56	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	RP3	02	1	7		65	KHI	Vietnamese
10	DUONG HONG QUAN	RP3	95	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN CONG MANH	RP3	98	1	5		80	PSV	Vietnamese
12	PHAN VAN HONG	RP3	91	1	6		63	PSV	Vietnamese
13	PHAM NGOC CHI	RP3	90	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	HOANG DINH CHIEN	RP3	94	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	TRAN VAN TRA	RP3	97	1	10		65	KHI	Vietnamese
16	TRAN VAN CHIEU	RP3	92	1	8		54	KHI	Vietnamese
17	VU THANH TUAN	RP3					85	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HANH	CTK3	64-65	2	17		57	CODIEN	Vietnamese
19	VU MANH DIEP	CTK3	28	1	11		60	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LEM	CTK3	61	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN HIEP THANH	CTK3	66	1	9	55	83	CODIEN	Vietnamese
22	LUU CONG THI	CTK3	67	1	12		63	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	16	121	1.142	120	6		CHUYEN 1 PAX CTK3 SANG CLI
2	CTK3	5	6	59	331	55	5	1	
3	CLI	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	22	180	1.473	175	11		
WEIGHT KG				180	1.473	175			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN